TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 172/2019/QĐST-HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 25 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 562/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Mai Văn T, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Phường T, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Phường T, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông T và bà D xác định có 02 (hai) con chung tên Mai Thị Thu P, sinh năm 1979 và Mai Huy T, sinh năm 1982. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà D xác định có 02 (hai) con chung tên Mai Thị Thu P, sinh năm 1979 và Mai Huy T, sinh năm 1982. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị D mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình; ông T và bà D mỗi người đã nộp 150.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0007148 và 0007147 ngày 04-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu thành tiền lệ phí. Ông T, bà D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- UBND Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Hương